

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày: 03 – 01 - 2025
“V/v Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Lương Văn Cang.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Cao Tấn Tiền – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 203/2024/TLST-DS ngày 11/10/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST-DS ngày 14/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2024/QĐST-DS ngày 03/12/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 32/2024/QĐST-DS ngày 24/12/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ trụ sở chính: 266-268 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: 2 H, Phường E, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: ông Trần Hoàng N - Giám đốc Chi nhánh P Người đại diện theo uỷ quyền lại: Bà Trương Thị Thu T – chuyên viên quản lý nợ (Giấy uỷ quyền số 311/2024/GUQ-CNPY ngày 16/9/2024). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1966. Địa chỉ thường trú: A L, Phường A, Thành phố T, Phú Yên. Địa chỉ liên hệ: 0 N, Phường C (nay là Phường E), thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do bà Trương Thị Thu T đại diện trình bày: Ngày 22/12/2022, ông Nguyễn Đức C có ký với Ngân hàng TMCP S (Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân số 2467704

ngày 22/12/2022- số tài khoản thẻ 3107404752. Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Nguyễn Đức C không trả nợ cho Ngân hàng nên đến ngày 05/4/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển nợ với nợ gốc và quá hạn là 113.167.754 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, gửi thông báo khởi kiện nhưng ông C không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tính đến ngày 12/11/2024, ông C còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi quá hạn là 144.064.774 đồng trong đó, nợ gốc là 113.167.754 đồng, nợ lãi quá hạn là 30.897.020 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đức C phải trả nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 12/11/2024 và tiếp tục phải trả số tiền lãi phát sinh sau ngày 12/11/2024 theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cá nhân đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ vay.

Toà án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Nguyễn Đức C nhưng bị đơn không có mặt. Ngân hàng đã liên hệ nhiều lần nhưng bị đơn C trốn tránh, không chịu trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng cho rằng bị đơn không đến toà nên việc hoà giải không có hiệu quả. Do đó, Ngân hàng đề nghị không tiến hành hoà giải mà nhanh chóng đưa vụ án ra xét xử để Ngân hàng thu hồi nợ vay.

Bị đơn ông Nguyễn Đức C vắng mặt nên không có lời trình bày.

*Biên bản xác minh ngày 14/11/2024 tại Công an P1, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác định ông Nguyễn Đức C có đăng ký thường trú tại địa chỉ A L, Phường A, thành phố T, Phú Yên. Hiện nay, ông C không có mặt tại địa phương. Biên bản xác minh tại Công an P2, thành phố T xác định ông Nguyễn Đức C không đăng ký tạm trú hay thực tế cư trú tại địa chỉ 0 N, Phường C (Nay là Phường E), thành phố T, Phú Yên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ tại địa chỉ thường trú của bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Nguyễn Đức C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn Nguyễn Đức C phải trả số tiền 151.367.706 đồng trong đó nợ gốc là 113.167.754 đồng, nợ lãi quá hạn là 38.199.952 đồng tạm tính đến ngày 03/01/2025. Ông C có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 03/01/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Nguyễn Đức C vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 100, 103 Luật Tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Đức C phải trả số nợ gốc là 113.167.754 đồng và lãi theo lãi

suất thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi trả nợ xong. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và bị đơn Nguyễn Đức C được xác định là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn Nguyễn Đức C có địa chỉ thường trú tại A L, Phường A, thành phố T, Phú Yên nên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn Nguyễn Đức C theo nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 22/12/2022, bị đơn C có địa chỉ thường trú tại A L, Phường A, thành phố T, Phú Yên. Kết quả xác minh tại Công an P1, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác định ông C có đăng ký thường trú tại địa chỉ A L, Phường A, thành phố T nhưng không có mặt tại địa phương. Sau đó, nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú của bị đơn tại O N, Phường C (Nay là Phường E), thành phố T, Phú Yên. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an phường P2 xác định ông Nguyễn Đức C không đăng ký tạm trú hay thực tế cư trú tại địa chỉ này. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết tại địa chỉ thường trú của bị đơn để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Bị đơn C vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn cung cấp Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 22/12/2022 ký kết giữa Ngân hàng và ông C thể hiện nội dung ông C lựa chọn thẻ tín dụng Visa Platinum Cashback, hạn mức sử dụng 100.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời gian bắt đầu từ 22/12/2022. Ông C đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng phát hành và tiến hành các giao dịch với tổng số tiền là 919.749.000 đồng và thanh toán cho Ngân hàng số tiền 824.691.550 đồng. Sau đó, ông C ngừng giao dịch cũng như không thanh toán cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong 3 kỳ liên tiếp tính từ ngày 05/1/2024 cho đến ngày 05/4/2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền nợ là 113.167.754 đồng, yêu cầu ông C phải trả là phù hợp với quy định Điều 20, 21 và Khoản 4 Điều 24 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[4] Bị đơn Nguyễn Đức C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không có lời trình bày ý kiến tại Tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Đức C phải trả số nợ gốc 113.167.754 đồng (Một trăm mười ba triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng) cho nguyên đơn.

[5] Nguyên đơn yêu cầu ông C phải thanh toán lãi quá hạn tính từ sau ngày 05/04/2024 cho đến khi trả nợ xong. Xét ông C vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo

Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên nên ngoài việc có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì còn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh tính trên dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 1, Điều 2, Điều 23, điểm b, khoản 4 Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP.

[6] Như vậy, theo Quyết định số 3248/2022/QĐ-TT ngày 23/12/2022 của Ngân hàng TMCP S về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ T1 phát hành tại Việt Nam thì lãi suất quá hạn là 3,72%/tháng (2,48%/tháng x 150%). Số tiền lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc 113.167.754 đồng ông C phải trả từ ngày 06/04/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 03/01/2025 là 38.199.952 đồng. Do đó, tổng số tiền gốc và lãi mà ông C phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 03/01/2025 là 151.367.706 đồng.

[7] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đức C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

[8] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Nguyễn Đức C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Các Điều 7, 8, 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Buộc bị đơn Nguyễn Đức C phải trả cho nguyên đơn số tiền 151.367.706 đồng (*Một trăm năm mươi một triệu, ba trăm sáu bảy nghìn, bảy trăm lẻ sáu đồng*) trong đó nợ gốc là 113.167.754 đồng (*Một trăm mười ba triệu, một trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi bốn đồng*), nợ lãi là 38.199.952 đồng (*Ba mươi tám triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm năm mươi hai đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Đức C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi tất toán xong toàn bộ số nợ.

Về án phí: Bị đơn Nguyễn Đức C phải chịu 7.568.385 đồng (*Bảy triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn, ba trăm tám lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 3.363.000 đồng (*Ba triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0002843 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hoà;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hoà;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

